Nhân quyền là quyền được sống đúng với mình

*Vũ Minh Chi**

Có thể nói, rất khó có được một câu trả lời đạt được sự nhất trí chung của tất cả mọi người về nhân quyền là gì bởi nó còn tùy thuộc vào thế giới quan, nhân sinh quan của từng người. Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776 viết "Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được". Theo tinh thần này, nhìn chung nhiều người nhất trí với quan niệm nhân quyền là các quyền ai cũng có kể từ khi sinh ra trên đời, mục đích là để tất cả mọi người đều được sống đúng như một con người. Trên cơ sở định nghĩa này, bài viết tìm hiểu nội dung các quyền đảm bảo cho con người được sống như một con người là những quyền gì, vì sao và yêu cầu này có hạn chế ở những điểm nào không.

Nhân quyền vì sự tồn tại của nhân cách

Con người như là sự tồn tại của nhân cách Nhiều người nhất trí với ý kiến cho rằng nhân quyền là những quyền có ngay từ sau khi sinh ra để được sống như con người, vậy những quyền đó là quyền gì, và việc sống như một con người cụ thể là như thế nào. Rõ ràng là sẽ có rất nhiều ý kiến khác nhau lý giải về những nội dung này và chính ở đó mới có sự đa dạng về văn hóa thể hiện trong nhân quyền. Tuy nhiên, có một câu trả lời được khá nhiều người ngày nay ủng hộ, đó là nhân quyền là những quyền lợi cần thiết không thể thiếu được đối với "sự tồn tại mang tính nhân cách". Sự tồn tại của nhân cách, nói một cách đơn giản, đó là sống đúng với bản thân. Có thể dễ dàng hình dung ra điều này trong thế giới của đồ vật: 'chiếc bảng đen đương nhiên là nơi dùng để người ta viết chữ (hay vẽ) lên, còn cục phấn thì dùng để viết chữ (hay vẽ) lên bảng. Bảng thì không thể viết và phấn thì không phải là chỗ để viết lên đó. Bởi vì bảng là dụng cụ sinh ra *để được viết lên* (vẽ) và phấn là dụng cụ sinh ra *để viết* (vẽ).

Còn con người sinh ra trên đời để làm gì? Có lẽ ai cũng đã từng bị đặt câu hỏi hoặc tự hỏi rằng bản thân sống trên đời để làm gì. Câu trả lời chắc chắn không chỉ có một, ví dụ sống cho bản thân, hay sống vì gia đình, vì xã hội, vì tổ quốc và vì thế giới hòa bình, có nghĩa là câu trả lời sẽ rất đa dạng, tùy từng người mà khác nhau. Bởi vì con người không phải là một thứ công cụ được tạo ra để làm một công việc nhất định như phấn với bảng. Lý do tồn tại của mỗi một con người *là* và *phải là* do chính cá nhân đó quyết định. Tức là lối sống của bản thân phải do chính bản thân quyết định. Đó chính là việc sống đúng với bản thân, là "sự tồn tại của một nhân cách".

Tồn tại nhân cách trong vấn đề chọn nghề Nói như vậy thì cũng có thể thấy rằng nhân quyền không phải là vấn đề gì cao xa, mà nằm ngay trong những vấn đề

* TS.: Viện Nghiên cứu Con người.

thường ngày của cuộc sống, ví dụ trong vấn đề tự do hôn nhân, tự do chọn hướng đi cho tương lai (chọn nghề) của lớp trẻ, không nên bị chi phối và ép buộc quá lớn bởi người khác, cho dù là cha mẹ. Trong thời bao cấp, sinh viên ra trường phải tuân thủ sự phân công công việc của tổ chức, ngày nay khi tự mình phải tìm việc, không ít người vẫn tỏ ra nuối tiếc một thời "được" phân công. Nếu như xã hội có đủ việc làm cho mọi người tự do chọn lựa, chắc chắn rằng sẽ không có sự nuối tiếc này. Tuy nhiên, gần đây, trước hiện tượng người có năng lực trong cơ quan nhà nước bỏ việc đi làm ở khu vực tư nhân không còn đơn lẻ mà là một làn sóng, có ý kiến lo ngại cho đó là *chảy máu chất xám* nhưng cũng có ý kiến cho rằng đó là *tín hiệu tích cực* vì chất xám đó vẫn đang phục vụ cho xã hội, vẫn cống hiến cho đất nước. Mấy chục năm bao cấp đã bao cấp luôn cả "tư duy nhà nước" trong mỗi người. Học hành xong là tìm đến cơ quan nhà nước, kiếm sống bằng đồng lương nhà nước... Tuy nhiên, sự năng động của nền kinh tế chuyển đổi cũng buộc con người phải năng động theo. Vì vậy, tín hiệu tích cực ở đây còn được thể hiện ở chỗ, con người đã có khả năng lựa chọn hơn trong nghề nghiệp hay cách sống theo ý thích của mình, chứ không bị động thu hút vào một khu vực duy nhất ngay cả khi không phù hợp với nguyện vọng, năng lực và chí hướng của bản thân. Điều này còn cho thấy, xã hội ngày nay đã cung cấp cơ hội cho người tài có môi trường để phát huy, giới trẻ có cơ hội để thi thố, cống hiến. Trí thức trẻ trong các cơ quan nhà nước làm việc hết mình và có quyền đòi hỏi được đối xử công bằng, được đánh giá đúng khả năng và được tôn trọng. Nếu không được như vậy, họ có quyền chọn lựa nơi làm việc khác phù hợp với chuyên môn và được trả công xứng đáng (Thanh Phong, 2008).

Nhân quyền là sự bảo đảm cho tồn tại của nhân cách Để đảm bảo cho "sự tồn tại của một nhân cách" thì cần phải có một số điều kiện nhất định như tự do suy nghĩ, tự do thể hiện điều mình nghĩ, và nếu không được sống ở nơi mình thích sống (quyền tự do cư trú), không được làm công việc mình thích làm (quyền thể hiện), thì không thể tự mình mở ra một cuộc sống cho chính mình được. Hơn nữa, cho dù có tự do suy nghĩ và làm việc mình thích nhưng không có đủ năng lực để làm điều đó thì sự tự do đó cũng là vô nghĩa hoặc thậm chí còn có tác dụng ngược (quyền được nâng cao năng lực chọn lựa và nắm bắt cơ hội hay là sự trao quyền). Vì thế, để cho sự tự do suy nghĩ và hành động của con người có ý nghĩa thì trước hết con người phải được đảm bảo một mức sống tối thiểu về ăn, mặc, ở (quyền sống, quyền sinh tồn) và cần được giáo dục đến một trình độ nhất định (quyền được học tập). Có không ít người vì không được đảm bảo những quyền tự do này nên đã phải sống không đúng với bản thân, không đúng như một nhân cách.

Trong một hội nghị về nạn bạo lực gia đình với gần 100 người tham gia, chị S. bộc bạch, chồng chị là một người có học thức, có địa vị trong xã hội. Song sau đám cưới chồng chị bắt chị nghỉ làm lo chuyện gia đình, không cho chị đi đâu ngoài việc đi chợ mua thức ăn. Vốn là một người phụ nữ cam chịu, chị S. không hề than vãn một lời, nín nhịn trước những trận đòn vô cớ của chồng để mong có cuộc sống gia đình bình yên và không muốn chồng phải mang tiếng bạo ngược, ảnh hưởng tới địa vị. Chị nói: Tôi xa lạ với mọi sự kiện diễn ra

ngoài cuộc sống vì không được đọc báo, không được tiếp xúc với nhiều người. Suốt 19 năm tôi cam chịu cuộc sống mất quyền làm người". Trong một lần cáu giận việc cơ quan, chồng chị về nhà đánh chị đến mức đầu bị vỡ, đuôi mắt bị rách, cột sống bị gãy. Chị về nhà mẹ đẻ sống ly thân trong sự tự do nửa vời và cuộc sống mất khả năng lao động (Trịnh Vũ, 2005).

Để con người có thể tự quyết định cách sống của bản thân, sống đúng với bản thân, thì không thể thiếu được sự bảo đảm một số điều kiện nhất định. Việc cần thiết bảo đảm và được bảo đảm một số điều kiện nhất định này chính là lý do của sự ra đời và tồn tại của nhân quyền, cụ thể như quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Chủ thể có trách nhiệm thực hiện các quyền này (tức là một số các điều kiện đảm bảo) chính là cha mẹ đối với con cái, nhà nước đối với công dân, cho dù "mức độ và biện pháp bảo đảm (các quyền) lại phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, xã hội và truyền thống văn hóa của mỗi quốc gia" (UNICEF Hà Nội và Trung tâm nghiên cứu quyền con người, 2002).

Nhân quyền là quyền tự do

Nhân quyền là tự do nội tâm Đi vào nội hàm cụ thể của nhân quyền chính là đi vào nội dung cụ thể của những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của nhân cách, trước hết đó là sự tự do về tư tưởng, về tôn giáo, và về lương tâm. Bởi vì nếu không được tự do suy nghĩ, tự do tin vào một tín ngưỡng nào đó thì cũng không thể tự mình mở ra một cuộc sống cho riêng mình được. Trong hành động của con người, chủ yếu có những hoạt động nội tâm bên trong bản thân như suy nghĩ, cảm nhận, tin tưởng, cảm xúc và những hoạt động mang tính ngoại diên, có sự tương tác với bên ngoài, với người khác như nói năng, truyền đạt, làm việc, chuyển động, tập trung. Để bắt đầu một hành động, trước hết người ta bắt đầu bằng ý nghĩ muốn làm gì, hoặc phải làm gì. Do đó, sự tự do trong tâm hồn có thể nói là một quyền cơ bản nhất của con người.

Nhân quyền là tự do hành động Ngoài tự do suy nghĩ, tự do hành động trong thực tế theo đúng những điều mình suy nghĩ là một điều kiện tiên quyết không thể thiếu được đối với nhân quyền. Tự do hành động bao gồm những hành vi như di chuyển đến nơi mình muốn đến, giao tiếp với người khác hoặc tự do nói chuyện, tự do biểu hiện... Cho dù trong lòng có tự do đến mấy mà không được hành động đúng với ý của mình thì tự do đó chẳng có ý nghĩa gì. Do đó, cùng với tự do trong nội tâm, tự do hành động – đương nhiên là có thể bị hạn chế nếu vi phạm lợi ích quốc gia và nhân quyền của người khác - cũng là một yếu tố quan trọng cấu thành nên nhân quyền.

Thêm vào đó, để tự do suy nghĩ, tự do hành động thì cũng cần có kiến thức và hiểu biết nhất định. Hơn nữa, nếu không được bảo đảm có một cuộc sống của một con người thì người ta cũng không thể vận dụng sự tự do có được một cách đầy đủ. Vì thế, trong nhân quyền còn bao hàm cả quyền lợi được hưởng giáo dục, quyền được bảo đảm về một cuộc sống tối thiểu (điều kiện sinh tồn), quyền được tạo cơ hội lao động (quyền có việc làm) – tạo nguồn cho cuộc sống của bản thân. Hơn nữa, quyền được sống yên ổn không lo sợ (an ninh con người) cũng là một quyền không thể thiếu. Nếu không có lý do chính đáng mà bất cứ lúc nào cũng có thể bị bạo lực, bắt bớ, giam cầm, tù tội - như những

người dân trong chế độ thuộc địa hay nô lệ - thì rõ ràng là không thể sống cuộc sống tự do được. Hay cụ thể hơn, là quyền được "thoát khỏi nỗi sợ hãi bị đe dọa đến an ninh cá nhân" mà *Báo cáo Phát triển con người 2000* đã chỉ ra là đe dọa tra tấn về thể chất, bị bắt giữ tùy tiện (từ nhà nước), đe dọa chiến tranh, áp bức (từ nước ngoài), đe dọa xung đột dân tộc, tội phạm bạo lực (từ các nhóm khác trong xã hội), đe dọa bạo lực và xâm hại (nhằm vào các nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, khuyết tật...). Trong ví dụ đã nêu ở trên, đáng tiếc là, trên thực tế không chỉ có chị S. mà rất nhiều phụ nữ khác hàng ngày phải chịu những trận đòn vô cớ của người thân. Theo thống kê của tổ chức Action Aid ước tính, trên thế giới cứ 3 phụ nữ thì có 1 người từng bị đánh, bị cưỡng ép tình dục hoặc bị hành hạ với đa số thủ phạm đều chính là người trong gia đình (Trịnh Vũ, 2005).

Tập hợp tất cả những tự do và các quyền này chính là nhân quyền. Ở rất nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam, nhân quyền được cụ thể hóa dưới các hình thức tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do thể hiện, tự do lựa chọn nghề nghiệp, quyền được hưởng giáo dục, quyền sinh tồn. Hiến pháp Việt Nam quy định: "Ở nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, được tôn trọng thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật" (Điều 50 Hiến pháp 1992).

Vai trò và mục đích của bảo vệ nhân quyền

Lối sống theo khuôn mẫu và tự do lựa chọn của cá nhân Nhân quyền là những điều kiện cần thiết để con người có thể "sống với đúng bản thân mình" nhưng nếu như trong một xã hội mà tất cả mọi người, mỗi người có một cách sống khác nhau thì liệu xã hội đó có trở thành một xã hội hỗn loạn hay không. Nói khác đi, phải chăng là tất cả mọi người cùng noi theo một lối sống mẫu mực được quy định sẵn thì xã hội mới ổn định và có trật tự.

Hai điều này mới nghe qua thì tưởng như là mâu thuẫn, thực ra vẫn có thể hòa hợp được với điều kiện có sự tự giác chọn lựa của cá nhân. Một khi cá nhân tự giác nhận thấy tấm gương điển hình, mẫu mực là lối sống tốt cho bản thân và tự giác chọn lựa như là một lối sống theo ý muốn thì điều đó là lý tưởng: cá nhân vừa được sống đúng với bản thân và xã hội vừa có sự nhất trí cao trong sự ổn định và trật tự. Phong trào tuyên truyền học tập và noi theo tấm gương của Bác Hồ vĩ đại hiện nay đang được triển khai sâu rộng trong xã hội chúng ta chính là nhằm đến việc giáo dục sự tự giác, tự nguyện lựa chọn một lối sống tốt đẹp cho các cá nhân.

Mâu thuẫn chỉ xảy ra khi có sự ép buộc cá nhân vào một khuôn khổ nhất định đến mức phải hy sinh cả bản sắc riêng và kinh nghiệm lịch sử đã cho con người nhiều bài học về việc quyết định thay cho tất cả thường không hẳn đã làm cho con người hạnh phúc. Nhất là khi khuôn mẫu áp đặt thực ra chỉ là mưu đồ nhằm lợi ích của một bộ phận người có quyền lực hoặc chỉ vì ấu trĩ cho rằng đó là khuôn mẫu tốt nhất cho tất cả mọi người, ví dụ có một thời người ta thường tự hào về lối sống nghèo nàn và đạm bạc là thanh cao, hay việc chịu đựng những bạo lực (thể xác và tinh thần) trong gia đình là chung thủy, đạo đức từ đó không dám ly hôn để hy sinh cả cuộc đời trong chịu đựng. Cũng trong câu chuyện của chị S. đã nêu trên, theo

Nguyễn Thị Hoài Đức, bạo lực gia đình có xu hướng gia tăng và ngày càng tinh vi. Tuy nhiên hầu hết phụ nữ đều nhẫn nhục chịu đựng không muốn để người ngoài biết. Một công an huyện ở tỉnh Thái Bình còn cho rằng: xung đột gia đình chỉ nên tự giải quyết trong gia đình, chín bỏ làm mười cho gia đình trong ấm ngoài êm. Chỉ những người không biết suy nghĩ mới đi trình báo chính quyền (Trịnh Vũ, 2005).

Trước đây, dưới thời phong kiến, vấn đề con người đã được các lề thói, hình mẫu và các thể chế trong lịch sử hoàn thiện sẵn. Thế hệ con cháu thường được ông bà "trói chặt" trong các khuôn phép của vô vàn thói quen, tập tục hàng ngàn đời, trong đó có những điều tiến bộ, có lợi cho sự phát triển con người nhưng cũng không ít tập quán trì trệ lạc hậu, là vật cản nặng nề cho quá trình giải phóng tiềm năng con người. Việc tôn trọng tính cách hầu như đã không được đặt ra như một động lực của phát triển, ngược lại tất cả đều nhất nhất phải "trung với vua", phải "thua lệ làng" và phải "hàng" cha mẹ ("đặt đâu con ngồi đấy"). Nơi triều chính thì suốt ngày dẫn lời vua, trong xã hội cộng đồng thì dẫn lời các bậc tiên chỉ, trong gia đình thì đã có những lời di huấn, mọi việc đều đã được định đoạt sẵn, nếu có ai vượt ra khỏi vòng cương tỏa này lập tức sẽ bị khép vào tội khi quân, nghịch tử, bất hiếu. Sinh ra là con gái thì giống như một cỗ máy, hầu như không có một quyền lựa chọn nào vì phải nghe lời cha, chồng và thậm chí cả con trai: "tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". Trong điều kiện như vậy, con người chấp nhận sống an bài theo trật tự khuôn mẫu của thế hệ trước và như vậy mới được coi là gia phong mẫu mực, chính điều đó đã tạo ra một sự giống nhau đáng ngạc nhiên về sinh hoạt, về nhu cầu cuộc sống, và sự thiếu khát vọng vươn lên, làm nhụt chí tài năng, kìm hãm sự phát triển của xã hội[1].

Mô hình vì xã hội, vì quốc gia là một mô hình tốt đẹp khi có sự kết hợp hài hòa quyền lợi của cá nhân và dân tộc hoặc khi cần thiết phải đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích cá nhân trong trường hợp chủ quyền của toàn dân tộc, toàn xã hội bị đe dọa. Nhưng khi những người có quyền lực lạm dụng khẩu hiệu êm tai này để đòi hỏi sự hy sinh, thậm chí dồn ép cuộc đời và lợi ích cá nhân thì rõ ràng là không thể đem lại hạnh phúc cho con người. Ở nước ta, theo dõi các phương tiện truyền thông, có thể thấy có những vụ việc tiêu cực đang diễn ra trong xã hội liên quan đến việc cơ quan hành chính lạm dụng chức quyền đòi hỏi sự hy sinh của người dân vì lợi ích của bản thân, ví dụ Báo *Pháp luật và Đời sống* đưa tin Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai cấp 53 suất đất giãn dân cho cán bộ phường (Trần Ngọc Kha, 2008).

Trên quy mô thế giới, nhân loại cũng đã trải qua nhiều kinh nghiệm đắng cay về việc lợi dụng mục tiêu chung cho lợi ích cá nhân, ví dụ huy động lực lượng quân đội vào cuộc chiến tranh phi nghĩa dưới ngọn cờ dân tộc, những hiện tượng như vậy hiện nay trên thế giới vẫn có nơi, có lúc đang diễn ra, bó buộc và hy sinh cuộc sống của các cá nhân. Trên cơ sở kinh nghiệm này, phải chăng có thể cho rằng, trừ những trường hợp đặc biệt, lối sống của cá nhân phải do mỗi cá nhân tự lựa chọn. Quan điểm căn bản của tư tưởng nhân quyền là tôn trọng tối đa cách sống do mỗi người tự lựa chọn, trên cơ sở tin

[1] "Tính cách khác biệt", Chuyên mục "Lăng kính", Báo *Quân đội nhân dân* ngày 18/4/2008.

vào lý trí của từng con người.

Nhân quyền đảm bảo tự do và đa dạng Đương nhiên, khi chấp nhận cách sống theo đúng ý muốn của cá nhân thì cũng có những người, từ con mắt của đa số, dường như đang chọn một cách sống "méo mó", ví dụ lối sống của những thanh niên học theo trào lưu đương đại thế giới dưới con mắt các thế hệ cao niên dường như là "chẳng giống ai". Tuy nhiên, trong phạm vi mà những cách sinh hoạt đó không xâm hại đến quyền lợi của người khác thì vẫn có thể chấp nhận và xã hội sẽ đa dạng hơn về lối sống. Việc chấp nhận nhiều cách sống đa dạng, kết quả, sẽ dẫn đến một xã hội có nhiều người có cảm giác hạnh phúc hơn. Bởi vì, xã hội có những quan điểm giá trị đa dạng cùng tồn tại vẫn đem lại niềm vui sống và cảm giác thỏa mãn cho nhiều người hơn là trong một xã hội chỉ có một quan điểm giá trị duy nhất (bị sơn quét và cố định bởi một màu sắc). Như trong trường hợp chọn nghề đã nêu ở trên, thay vì tất cả sinh viên ra trường đều bị hút vào một bầu vú mẹ - tức cơ quan nhà nước – cho hàng chục triệu đứa con bú, cho dù dòng sữa đó không đầy đủ cho lắm, thì ngày nay cơ hội mở ra cho sinh viên đang trở nên đa dạng hơn, rõ ràng có thể nói đó là một tín hiệu đáng mừng: "bên cạnh số người coi cơ quan nhà nước có một sức hấp dẫn riêng để thăng tiến hay vì "ổn định công việc" là ưu tiên hàng đầu, thì có rất nhiều người khác, nhất là những bạn trẻ năng động, thích mạo hiểm lại coi cơ quan nhà nước là một trở ngại trên con đường thăng tiến hoặc thể hiện mình trước cuộc sống" (Bùi Hải, 2008). Có thể nói, quan điểm giá trị ngày nay đã trở nên đa dạng hơn thể hiện rõ rệt trong việc chọn nghề của sinh viên ra trường. Từ thập niên 90 vấn đề khác biệt tính cách đã bắt đầu được đề cao ở nước ta, sau khi có chính sách đổi mới với các chính sách và giải pháp thực tiễn của Nhà nước, tiềm năng cá nhân được khơi dậy. Mọi người như được cởi trói trong một bầu không khí đổi mới với tinh thần tự do, cởi mở; chính sự khác biệt về tính cách được phát huy đã tạo ra được một tốc độ phát triển mà trước đây chỉ là mơ ước[2].

Như trên đã nói, mặc dù cho rằng nhân quyền là chấp nhận lối sống phù hợp với bản thân nhưng không vì thế mà tư tưởng nhân quyền phủ định việc thể hiện (giữa người này với người khác) quan điểm giá trị và lối sống mẫu mực. Chúng ta thường thấy hầu hết các tôn giáo đều đưa ra quan điểm giá trị và lối sống mẫu mực và không thể kết luận ngay rằng đó là vi phạm nhân quyền. Việc thể hiện lối sống mẫu mực bản thân nó không có vấn đề, điều quan trọng là việc quyết định lựa chọn cách sống mẫu này có thuộc về cá nhân hay không. Chủ thể của mỗi một cuộc đời phải chính là con người sống cuộc đời đó, nếu không vì một lý do đặc biệt nào đó (sẽ phân tích ở dưới) thì không thể có sự lựa chọn thay và áp chế cách sống lên người khác. Việc đảm bảo tự do và cách sống đa dạng chính là vai trò của nhân quyền và mục đích bảo vệ nhân quyền.

Nhân quyền không phải là tuyệt đối

Hạn chế của nhân quyền Tư tưởng cần phải có một số điều kiện nhất định nhằm đảm bảo cho mọi người ai cũng được sống với đúng bản thân mình không phải hoàn toàn không có vấn đề, nói khác đi nhân quyền cũng có giới hạn. Trước hết, các quyền và tự do của cá nhân gắn

[2] "Tính cách khác biệt", ... đã dẫn tr.5.

liền và không được làm tổn hại quyền độc lập và tự do của cả dân tộc (UNICEF Hà Nội và Trung tâm nghiên cứu quyền con người 2002: 202). Quan điểm này của Đảng, Nhà nước ta cũng phù hợp với tinh thần của tư tưởng nhân quyền quốc tế: "tự do có nghĩa là có thể làm mọi điều không gây hại cho người khác". Và "luật pháp chỉ có quyền cấm đoán những hành vi có hại cho xã hội" (Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền Pháp 1789: điều 4 & 5).

Hơn nữa, tùy từng người, có thể có người không thể tự quyết định cuộc sống của mình như trẻ nhỏ hoặc những người do ốm đau, bệnh tật cần có sự trợ giúp của người khác. Trong trường hợp đó, người thứ ba là bạn bè hoặc bác sĩ có thể thay thế cho đương sự quyết định cách sống của họ. Tuy nhiên, quyết định của người thứ ba đôi khi vi phạm ý chí của đương sự và họ cảm thấy bị phủ định mất quyền sống theo đúng bản thân. Nếu tuân thủ trung thực với quan điểm cơ bản của nhân quyền là sống đúng với bản thân, thì trường hợp này đã là một sự vi phạm nhân quyền. Thế nhưng, vẫn có những trường hợp không thể vì lý do bảo vệ nhân quyền mà hoàn toàn tôn trọng ý kiến của đương sự. Như vậy, quan niệm cơ bản của nhân quyền không phải là quan niệm có thể áp dụng vào bất cứ lúc nào, bất cứ trường hợp nào.

Thêm vào đó, đối với những người có ý định tự sát thì chúng ta có thể tôn trọng ý chí muốn chọn lựa cách "sống" của chính bản thân họ được hay không. Nói khác đi, tư tưởng nhân quyền là tôn trọng cách sống phù hợp với cá nhân có mâu thuẫn với việc tôn trọng, chấp nhận tự do tự sát hay không. Mặt khác, việc áp đặt quan điểm giá trị "phải sống" đối với người có nguyện vọng được chết ngược lại có thể là quan điểm vi phạm nhân quyền hay không. Lại một lần nữa, ở đây, quan điểm cơ bản của nhân quyền đụng phải một bức tường không dễ vượt qua. Những tranh cãi về quyền được chết không đau đớn, não chết đã là chết hay không, nạo thai có phải là có tội... vẫn chưa đi đến hồi kết cũng là vì đã đụng vào bức tường nan giải này.

Có thể nói, trong tư tưởng nhân quyền cũng có nhiều hạn chế và không phải cứ tôn trọng bảo vệ nhân quyền bằng mọi giá là có thể bảo đảm hạnh phúc cho tất cả mọi người. Điều đó cũng có nghĩa là, nhân quyền cho dù là điều kiện cần để cá nhân được sống đúng với bản thân nhưng hoàn toàn chưa phải là điều kiện đủ để cá nhân đạt được hạnh phúc.

Tác hại của nhân quyền Có rất nhiều trường hợp do lạm dụng tự do và chủ trương về nhân quyền mà dẫn đến nảy sinh xung đột giữa cá nhân với cá nhân. Không ít trường hợp nhân quyền đem lại ma sát cho xã hội, ví dụ trong trường hợp xung đột giữa tự do riêng tư và tự do thể hiện, đối lập giữa quyền ghét thuốc lá và quyền hút thuốc lá.

Vì vậy, tùy từng người, cũng có người tôn trọng tính hòa đồng chung hơn là nhân quyền, có người cho rằng nhân quyền chỉ trợ giúp cho tính ngang bướng, làm mất đi tính nhẫn nhịn và cướp đi tính hợp tác, hòa đồng của mọi người. Và những người như thế dần dần ngả theo sự coi trọng tính hòa đồng với số đông hơn là nhân quyền của cá nhân. Tuy nhiên, nếu vì những lý do kể trên mà đặt nặng vào sự hòa đồng toàn thể hơn là quyền của cá nhân thì một xã hội như vậy đối với một nhóm người (buộc phải tuân theo số đông) có thể sẽ là một xã hội nghẹt thở. Bởi vì, ý nghĩa của

sự hòa đồng chung kết cục là sự dễ chịu cho đa số trong xã hội và là sự ép buộc đối với một nhóm thiểu số phải tuân theo. Trong một xã hội như vậy, dưới lá cờ chính nghĩa là hòa đồng toàn thể, thường hay có xu hướng loại bỏ những thiểu số, con người do sợ hãi bị trở thành thiểu số dễ đi đến chỗ kìm nén, giết chết cái riêng của bản thân để cố đồng điệu với cái chung. Nỗi sợ hãi bị loại bỏ đã tạo ra sự hòa đồng giả tạo bề ngoài khiến cho tư tưởng và chế độ thực ra chỉ đem lại lợi ích cho một nhóm người lại được ngụy trang bằng sự hòa đồng giả tạo, sinh ra ảo giác cứ như đem lại hạnh phúc cho tất cả mọi thành viên trong xã hội. Đó cũng chính là một thực tế của xã hội trước đổi mới, con người thường gò mình vào một lối sống đạm bạc chung để chứng tỏ một cuộc sống được coi là trong sáng, thanh cao. Có những người vì sợ bị để ý nên phải cố tình che dấu không dám thể hiện quyền được mưu cầu một cuộc sống vật chất thoải mái hơn.

Nhân quyền dành cho tất cả mọi người

Mặc dù nhân quyền có những hạn chế và tác hại như đã nêu ở trên, và cho dù nhân quyền có làm nảy sinh ma sát trong xã hội thì nguồn gốc của những điều này cũng không nằm trong chính bản thân vấn đề nhân quyền. Điều quan trọng là cách sử dụng hay thực thi nhân quyền phải làm sao bảo đảm tôn trọng tối đa nhân cách cá nhân, cần phải quan tâm tới cả bản thân mình và cả người khác, cả đa số và thiểu số, nhất là nhóm yếu thế trong xã hội thường rất hay bị bỏ quên. Chỉ đơn giản như trong giao thông, rõ ràng hiện nay người khuyết tật đã không được đảm bảo quyền tự do đi lại vì những cản trở không được quan tâm: đi bộ trên vỉa hè thì bị nhiều xe máy và hàng quán chắn ngang, đi lên xe buýt thì khoảng cách cửa xe chỉ là 0,8m trong khi khoảng cách tối thiểu cho người đi nạng là 0,9m, cho xe lăn cũng là 0,9m; hiện nay duy nhất chỉ có ngành hàng không có thiết bị nâng xe lăn, còn tầu và xe buýt đều không có những thiết bị phục vụ người tàn tật như ký hiệu âm thanh, mầu sắc, tay vịn...(Thanh niên online 9/2004). Trong khi ở Việt Nam có 6,5% (5,3 triệu người) dân số là người tàn tật và Nhà nước (Bộ Xây dựng) đã ban hành Quy chuẩn xây dựng quy định những nguyên tắc liên quan tới việc sử dụng của người tàn tật trong công trình công cộng, nhưng trên thực tế ngoài một số rất ít nơi như Sân bay Nội Bài, Bảo tàng Dân tộc học, Tràng Tiền Plaza, hầu hết các công trình văn hóa công cộng lớn khác đều chưa thực hiện nguyên tắc này.

Cần phải cảnh giác đối với việc lạm dụng nhân quyền nhưng không phải vì thế mà vứt bỏ nhân quyền làm cho con người không thể có hạnh phúc. Nơi nào không có nhân quyền, ở đó nhóm thiểu số không được tôn trọng và trong xã hội có nhóm thiểu số không được tôn trọng thì xã hội đó vẫn còn có sự tồn tại của nỗi khiếp sợ, lo lắng thống trị con người. Mỗi một cá nhân đều khác nhau về bản sắc, về khả năng tự nhiên, thiên bẩm trời phú không ai giống ai. Tuy nhiên, có một điều giống nhau do nhân quyền có thể mang lại đó là tất cả mọi người sẽ được hạnh phúc khi được sống đúng với ý muốn của mình và khả năng tự nhiên của họ có cơ hội được phát huy đưa họ đến thành công. Nói như vậy thì sự phát triển những bản sắc riêng của từng người cũng có lợi cho xã hội, làm cho xã hội phát triển bởi những thành công và hạnh phúc của mọi thành viên.

Chính vì vậy, Nhà nước cần tạo ra một không gian rộng rãi cho sự phát triển tự do cá nhân, pháp luật cũng cần đa dạng hóa cơ hội cho sự phát triển khả năng tự nhiên của mỗi cá nhân. Đa dạng hóa không gian cho sự phát triển cá tính, Nhà nước sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển của các nhân tài làm động lực cho sự phát triển xã hội (Bùi Ngọc Sơn, 2004: 151). Đồng nhất tất cả trong một khuôn đúc như nhau là điều ảo tưởng, chính vì vậy, theo phương châm mà Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh "Cầu đồng tôn dị" (Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, 2008: 87), tốt hơn vẫn là tôn trọng tự do của mỗi người, phát huy cá tính, bản sắc cá nhân theo cách tiếp cận nhân quyền còn hơn chạy theo một điều gần như là không thể. Giống như câu nói của một nhà sinh vật học người Anh, Harksly khi cho rằng: "Thà đi nhầm trong tự do còn hơn đi đúng trong xiềng xích và đó chính là cách sống tốt hơn đối với con người" (Kaneko Masayoshi, 2006: 17), điều cơ bản của tư tưởng nhân quyền là tin tưởng và hy vọng vào sự tồn tại của tự do con người.

Tài liệu tham khảo

1. Hội luật gia Việt Nam, *Pháp luật quốc gia và quốc tế về bảo vệ con người của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2007.

2. Kaneko Masayoshi, *Nhân quyền là gì*. Kaihoshuppansha, 2006.

Hiến pháp 1992. Nxb.CTQG, Hà Nội: 2001.

3. "Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền", *Về đại cách mạng Pháp 1789*. Nxb. Sự thật, Hà Nội: 1989.

4. UNICEF Hà Nội và Trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện CTQG Hồ Chí Minh, *Tài liệu tập huấn về nhân quyền*, 2002.

5. Trịnh Vũ, *Bạo lực đang hoành hành trong gia đình*, VnExpress 26/11/2005.

6. Thanh niên online, *Thực trạng giao thông công cộng: người tàn tật tủi thân*, 20:36:36 13/9/2004.

7. Lê Thanh Phong, *Tín hiệu tích cực*, Lao động 25/3/2008.

8. Bùi Hải, *Nhà nước hay tư nhân*, Lao động số 22/2008.

9. Trần Ngọc Kha, *Có bao nhiêu phần trăm sự thật*, Pháp luật và Đời sống số 24/2008.

10. Bùi Ngọc Sơn, *Xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hóa Việt Nam*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội: 2004.

11. Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội: 2008.

12. Báo *Quân đội nhân dân* ngày 18/4/2008.